

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 15/5/2023

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Trần Hữu Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 549/2022/TLST - HNGĐ, ngày 05/12/2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24^a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19^c/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Trần Mai H, sinh năm 1960

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

**** Bị đơn:*** Ông Hà Đình Q, sinh năm 1967

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam P.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. kết hôn với nhau vào năm 1996, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 18/5/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng

bình thường, hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 12/2022 bà Trần Mai H. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Đình Q.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Mai H. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông Q. đưa đòi bạn bè nghiện ma túy nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, có đánh chửi nhau. Năm 2022 ông Q. bị bắt đi tù về tội ma túy, hiện đang đi chấp hành án. Nay bà H. xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Đình Q.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin xử vắng mặt, bị đơn ông Hà Đình Q. trình bày quan điểm thể hiện ông nhất trí ly hôn với bà Trần Mai H.

Về con chung: Có 01 con chung là Hà Văn V, sinh ngày 05/7/1996. Anh V. đã trưởng thành, bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. không đề nghị Tòa án giải quyết,

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hà Đình Q. đang thi hành án tại Trại giam P. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã ra Quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tiến hành điều tra, xác minh thu thập chứng cứ nhưng không nhận được kết quả nên Tòa án đã tiến hành ghi lời khai bị đơn, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ đối với nguyên đơn và không tiến hành hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. kết hôn vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết bà H. và ông Q. cùng có quan điểm đề nghị giải quyết cho được ly hôn. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho bà Trần Mai H. được ly hôn với ông Hà Đình Q.; về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện bà Trần Mai H. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Đình Q.; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung. Bị đơn ông

Hà Đình Q. đang chấp hành án tại Trại giam P, ông Q. đăng ký HKTT tại Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 18/5/2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà H. có đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Hà Đình Q, ông Q. có quan điểm nhất trí ly hôn với bà Trần Mai H.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, bà H. và ông Q. cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho bà Trần Mai H. được ly hôn với ông Hà Đình Q.

2.2. Về con chung: Bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. có 01 con chung là Hà Văn V, sinh ngày 05/7/1996. Anh V. đã trưởng thành, các đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Trần Mai H. và ông Hà Đình Q. xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Trần Mai H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), do bà H. là người cao tuổi nên được miễn nộp khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Mai H. được ly hôn với ông Hà Đình Q.

2. Về án phí: Bà Trần Mai H. được miễn nộp khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND thị trấn S.;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến